TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2024/HNGĐ -ST Ngày 17-06-2024 V/v ly hôn, nuôi con chung.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Ông Phạm Hữu Luyện

***Các Hội thẩm nhân dân*:** 1. Ông Nguyễn Quang Kim

2. Ông Nguyễn Văn Chiến

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 06 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGD ngày 31/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị K, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Y, xã N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Thân Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Y, xã N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Phạm Thị K trình bày: Chị và anh Thân Văn T kết hôn vào ngày 02/3/2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang và tổ chức hôn lễ theo phong tục của địa phương. Trước khi kết hôn, vợ chồng đã có thời gian tìm hiểu, sau khi kết hôn hôn, chị chuyển về nhà anh Thân Văn T sinh sống. Qúa trình sinh sống ban đầu, hai vợ chồng hòa thuận, không có mâu

thuẫn và hạnh phúc nhưng một thời gian đến năm 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhiều lần do công việc, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Năm 2019 chị đã gửi đơn ly hôn lần 01 sau đó rút đơn, sau đó hai bên được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả và hiện đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị được giải quyết ly hôn với anh Thân Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có với nhau 02 con chung là Thân Văn C, sinh ngày 06/11/2008 và Thân Thị Minh N, sinh ngày 17/04/2014. Hai con có nguyện vọng ở với ai chị đều tôn trọng theo nguyện vọng của các cháu; về cấp dưỡng chị không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản, công nợ chung và ruộng canh tác chung: chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Lời khai của bị đơn anh Thân Văn T thể hiện: Anh và chị Phạm Thị K kết hôn vào ngày 02/3/2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang và tổ chức hôn lễ theo phong tục của địa phương. Trước khi kết hôn, hai bên đã có thời gian tìm hiểu, sau khi kết hôn hôn, vợ chồng sinh sống tại thôn Y, xã N, huyện V (nay là thị xã V). Qúa trình sinh sống ban đầu, hai vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn và hạnh phúc nhưng một thời gian sau hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi, vợ chồng ly thân được hai tháng, tuy nhiên anh cảm thấy vẫn còn tình cảm với chị K nên đề nghị Tòa án hòa giải cho hai vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Thân Văn C, sinh ngày 06/11/2008 và Thân Thị Minh N, sinh ngày 17/04/2014, anh chị thỏa thuận nếu ly hôn anh nuôi cả 02 cháu, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung anh tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết

* Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/21016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị K được ly hôn anh Thân Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Thân Văn C, sinh ngày 06/11/2008 và Thân Thị Minh N, sinh ngày 17/04/2014 cho anh Thân Văn T chăm sóc nuôi dưỡng.

Về án phí: Chị Phạm Thị K phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên nhận định:

[1] Về Tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Phạm Thị K và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình "*xin ly hôn, nuôi con chung*".

Bị đơn anh Thân Văn T có địa chỉ tại Thôn Y, xã N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Thân Văn T và chị Phạm Thị K kết hôn vào ngày 02/3/2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình.

Qúa trình sinh sống ban đầu, hai vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn và hạnh phúc nhưng đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong công việc làm ăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra tranh cãi, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện, chị K và anh T cùng thừa nhận mâu thuẫn này đến nay mặc dù được Tòa án và gia đình hòa giải nhiều lần nhưng chị K, anh T không hàn gắn được quan hệ hôn nhân. Do vậy Tòa án thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được do vậy cần cho chị K được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị K, anh T có hai con chung là Thân Văn C, sinh ngày 06/11/2008 và Thân Thị Minh N, sinh ngày 17/04/2014, anh T có nguyện vọng nuôi cả hai con và có đủ điều kiện nuôi hai con, hai cháu đều có nguyện vọng ở với anh T, chị K đồng ý với nguyện vọng của hai cháu. Do vậy để ổn định tâm lý tránh sự xáo trộn không cần thiết cho các cháu cần giao hai

con chung cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác chung: Chị K, anh T không yêu cầu nên Tòa án không đề cập xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị K phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/21016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/21016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị K được ly hôn anh Thân Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Thân Văn C, sinh ngày 06/11/2008 và Thân Thị Minh N, sinh ngày 17/04/2014 cho anh Thân Văn T chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn chị K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở chị K thực hiện quyền và nghĩa vụ này.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị K phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003180, ngày 18/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên.

4. Về quyền kháng cáo. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Việt Yên;
- UBND xã Nghĩa Trun.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện